

Bản án số: **117/2024/KDTM-PT**
Ngày 24/5/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên

Trong các ngày 17 và 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2024/TLPT-KDTM ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 36/2023/KDTM ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2024/QĐ-PT ngày 11/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2024/QĐ-PT ngày 08/4/2024, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 237/2024/TB-TA ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty cổ phần K

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông TQD – Giám đốc; có mặt

-Bị đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: Số 62 ngõ 897 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Số A ngõ C T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông NVB – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà HTV; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/9/2018 Công ty cổ phần K (sau đây viết tắt là Công ty K) ký hợp đồng thi công nội thất số 45/2018/HĐTC với Công ty cổ phần S (sau đây viết tắt là Công ty S). Nội dung hợp đồng, Công ty K nhận thi công sửa chữa nhà phần thô và lắp đặt đồ nội thất thành văn phòng làm việc tại số A đường A, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Giá trị của hợp đồng là 1.173.161.000 đồng. Căn cứ vào nội dung hợp đồng và trong quá trình thi công có một số hạng mục phát sinh là 244.891.570 đồng. Các tài liệu về hóa đơn chứng từ Công ty K thi công các hạng mục phát sinh sẽ nộp cho Tòa án sau.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã tạm ứng cho Công ty K số tiền 938.519.800 đồng, Công ty K đã thi công và hoàn thiện đúng tiến độ, bàn giao cho bên Công ty S vào ngày 01/12/2018. Tuy nhiên, Công ty S đã không ký biên bản nghiệm thu, không trả nốt số tiền còn lại 479.532.770 đồng;

Nay Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty S phải trả nợ cho Công ty K số tiền nợ gốc là 479.532.770 đồng.

Đề nghị thanh toán số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 7,2%/năm của ngân hàng B tính từ ngày 01/12/2018 là ngày nghiệm thu, bàn giao công trình cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận Công ty S có ký hợp đồng thi công nội thất số 45/2018/HĐTC với Công ty K. Nội dung hợp đồng, thuê Công ty K số 1 thi công sửa chữa nhà phần thô và lắp đặt đồ nội thất thành văn phòng làm việc tại số A đường A, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Giá trị của hợp đồng là 1.173.161.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng hai bên đã thanh toán ba lần theo hợp đồng, tổng số tiền 938.519.800 đồng. Sau khi thi công gần xong thì Công ty S đã dọn về 122 A, P, quận T, thành phố Hà Nội. Sau một tuần Công ty K mới hoàn thiện xong. Hai bên chưa ký thanh lý hợp đồng, chưa làm thủ tục thanh lý hợp đồng, tuy nhiên công trình bị mỗi một xông lên, hỏng hết giấy tờ, hóa đơn chứng từ, Công ty S đã nhiều lần yêu cầu Công ty K đến sửa chữa, xử lý mỗi một, để Công ty S tiếp tục hoạt động tại địa chỉ trên. Tuy nhiên, bên phía Công ty K không thực hiện việc sửa chữa, khắc phục do đó Công ty S không ký biên bản nghiệm thu,

không thanh toán nốt số tiền còn lại. Mặc dù Công ty S không có văn bản yêu cầu, nhưng qua điện thoại đã nhiều lần nhấn tin yêu cầu Công ty K sửa chữa. Nhưng Công ty K không thực hiện.

Nay Công ty K yêu cầu khởi kiện trả số tiền còn thiếu là 479.532.770 đồng, Công ty S không đồng ý, số tiền 938.519.800 đồng Công ty S đã thanh toán là đủ cho Công ty K thanh lý khốp đồng, vì rất nhiều mỗi một đã ăn hồng các hóa đơn chứng từ, là nguyên nhân Công ty S không hoạt động tại địa chỉ A A, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty S chỉ đồng ý thanh toán số tiền là 250.000.000 đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 36/2023/KDTM ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội đã xử:

- Căn cứ vào các Điều 123, 124 Luật xây dựng năm 2014.
- Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ Điều 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị Quyết số 326/NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần K số 1 đối với bị đơn là Công ty cổ phần S về việc yêu cầu Công ty cổ phần S phải trả số tiền nợ theo hợp đồng kinh tế 45/HĐTC ngày 30.9.2018 là 479.532.770 đồng; Lãi suất là 104.298.377 đồng

2. Về án phí: Công ty cổ phần K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 27.353.246 đồng. Xác nhận Công ty cổ phần K đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 13.676.623 đồng theo biên lai số 32788 ngày 27/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ. Công ty cổ phần K số 1 phải nộp tiếp 13.676.623 đồng án phí kinh doanh thương mại.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền gốc là 479.532.770 đồng và lãi chậm trả 643.532.770 đồng (làm tròn 643.000.000 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K, buộc Công ty cổ phần S phải trả 234.641.200 đồng phần giá trị còn lại chưa được thanh toán của Hợp đồng kinh tế số 45/2018/HĐTC ngày 30/9/2018 và phải trả lãi chậm thanh toán đối với số tiền 199.447.200 đồng từ ngày 02/12/2018 đến ngày 02/3/2019 và lãi chậm thanh toán số tiền 234.641.200 đồng từ ngày 03/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần K được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần K số 1 với Công ty cổ phần S phát sinh từ hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Công ty cổ phần S có địa chỉ cũ tại số A A, phường P, quận T, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Công ty cổ phần K (sau đây viết tắt là Công ty K) với Công ty cổ phần S (sau đây viết tắt là Công ty S) đã ký kết hợp đồng kinh tế số 45/2018/HĐTC ngày 30/9/2018 về việc thi công sửa chữa nhà phần thô và lắp đặt đồ nội thất thành văn phòng làm việc tại số nhà A đường A, phường P, quận T, thành phố Hà Nội.

Tổng giá trị hợp đồng là 1.173.161.000 đồng.

Phương thức thanh toán:

1. Ngay sau khi hai bên ký hợp đồng, Công ty S ứng trước cho Công ty K là 30% kinh phí trên tổng giá trị hợp đồng tương đương số tiền 351.948.300 đồng.

2. Sau khi Công ty K thi công đạt 50% khối lượng công việc, Công ty H tiếp 30% tổng giá trị hợp đồng tương đương số tiền 351.948.300 đồng.

3. Sau khi Công ty K thi công đạt 80% khối lượng công việc, Công ty H tiếp 20% tổng giá trị hợp đồng tương đương số tiền 234.632.200 đồng

4. Sau khi hai bên cùng nghiệm thu và bàn giao công trình, Công ty S phải thanh toán 17% tổng giá trị hợp đồng tương đương số tiền 199.437.370 đồng

Trong trường hợp có phát sinh thì cộng cả phát sinh và thanh toán cho Công ty K trong 7 ngày kể từ ngày bàn giao.

5. Công ty S giữ lại 3% tổng giá trị hợp đồng tương đương với số tiền là 35.194.000 đồng để bảo hành. Sau thời gian 3 tháng, Công ty S sẽ thanh toán nốt cho Công ty K.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty cổ phần K đã thi công hoàn thiện công trình và đã bàn giao Biên bản nghiệm thu cho Công ty cổ phần S vào ngày 01/12/2018. Công ty cổ phần S cũng đã dọn về làm việc tại đây vào đầu tháng 12 năm 2018.

Công ty cổ phần S đã thanh toán 03 lần cho Công ty cổ phần K số 1 tổng cộng 938.519.800 đồng.

Trong quá trình thi công phát sinh thêm một số hạng mục có giá trị là 244.891.570 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán, bị đơn không đồng ý thanh toán vì khi bị đơn vào sử dụng thấy chất lượng công trình không đảm bảo. Nguyên đơn không xuất trình được tài liệu xác định giá trị thi công được người đại diện hợp pháp của hai công ty ký xác nhận, nên không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Như vậy, số tiền nợ gốc Công ty S còn nợ Công ty K là 234.641.200 đồng.

Do Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên phải chịu nợ lãi do chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng với mức lãi suất áp dụng theo lãi suất

của Ngân hàng B nơi Công ty K mở tài khoản là 7,2%/năm, cụ thể: Từ ngày 02/12/2018 đến ngày 02/3/2019 với số tiền nợ gốc 199.447.200 đồng là 3.540.870 đồng và từ ngày 03/3/2019 đến ngày 27/9/2023 với số tiền nợ gốc 234.641.200 đồng là 77.250.311 đồng, nên tổng nợ lãi là 80.791.181 đồng.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Công ty K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 429 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 123; Điều 124 của Luật xây dựng

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần K
- Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 36/2023/KDTM ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K đối với Công ty cổ phần S

Buộc Công ty cổ phần H cho Công ty cổ phần K số 1:

- Nợ gốc: 234.641.200 đồng

- Nợ lãi: 80.791.181 đồng

Tổng cộng: 315.432.381 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần S phải chịu 15.771.619 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Công ty cổ phần K phải chịu 13.419.938 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được trừ vào 13.676.623 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0032788 ngày 27/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, nên được trả lại 256.685 đồng.

3. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty cổ phần K số 1 số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002329 ngày 13/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận T, tp Hà Nội;
- TAND quận T, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn